

**Cha Durand
và
M^{ère} Thánh Giá

&

Anê Soán và Anna Trĩ**



Linh m^ộc Eugène-Marie DURAND
(AMEP, Fonds iconographique)

Giới thiệu

Tập tài liệu này xin được giới thiệu, trước tiên hết, bốn bài báo của linh mục Eugène-Marie DURAND viết về các nữ tu Miền Thánh Giá :

- ‘‘Les martyrs du Binh-Thuan’’,
- ‘‘Les Amantes de la Croix’’,
- ‘‘Soeur Mouk’’,
- ‘‘Les Amantes de la Croix en Indochine’’.

Cha Eugène-Marie DURAND (1864-1932) :

Ngài sinh ngày 20.01.1864 tại Saint-Gaultier (Pháp, quãng 300km phía nam Paris), tên là Eugène, Eustache, Louis, Marie DURAND¹. Ngài chịu chức linh mục ngày 26.9.1886, lúc 22 tuổi. Rời Paris ngày 14.12.1887, ngài sang làm việc tại giáo phận Qui Nhơn.

‘‘Sau cùng, ngày 21.01.1888, tôi rời quê trước giờ về quê Diên Tông Tòa của tôi, tôi ở trong giáo phận của tôi, cách nước Pháp trên 4.000 dặm Chàng. Đã 34 ngày trôi khi tôi rời cảng Marseille. Tôi nay trở về quê, ở quê của tôi gọi tên tôi là ‘‘cô L’c’’...’’²

Ngài được bổ nhiệm làm việc lần lượt tại nhi sở nội : Nha Trang, Đông Quê (Kim Sơn), Phan Rí (1900-1903), Ninh Hoà, Qui Nhơn (giám đốc nhà in Làng Sông), v.v.

Ngài rời Qui Nhơn ngày 20 tháng 5 năm 1923, về quê của Hội Thờa Sai Paris tại Hồng Kông, nhà Nazaret. Ít lâu sau, ngài về Paris làm việc, chịu trách nhiệm chủ biên ‘‘Niên Giám Hội Thờa

Sai Nước Ngoài’’ . Năm 1928, ngài dạy tại Hội Công giáo Paris (Institut Catholique) môn ‘‘Thần học Đông Dương’’.³

Ngài đã viết nhiều bài báo, mà liên quan tới Việt Nam, có thể kể tới :

- ‘‘Les martyrs de Tourane’’, (Les Missions Catholiques, Lyon, 1923, trang 325-328).
- ‘‘Les moinillons de la Nhà-đá’’, (Annales de la Société des Missions Etrangères, 1928, trang 141-148).
- ‘‘Les martyrs du Binh-Thuan’’, (Annales..., 1929, trang 89-105).
- ‘‘Des clarisses à la Cour de Huế au XVIIè siècle’’, (Annales..., 1929, trang 204-216).
- ‘‘Au Tonkin vers 1700’’, (Annales..., 1930, trang 125-131).
- ‘‘Les Amantes de la Croix’’, (Revue d’Histoire des Missions, tome 7, Paris, 1930, trang 384-404).
- ‘‘Soeur Mouk’’, (Annales..., 1931, trang 52-64).
- ‘‘Une petite martyre d’Annam au XVIIè siècle’’, (Annales..., 1931, trang 97-107).
- ‘‘Les Amantes de la Croix en Indochine’’, (Les Missions Catholiques, Lyon, 1931, trang 424-426).
- ‘‘Ce que peut une collaboration intelligente et confiante’’, (Annales..., 1932, trang 1-14).

Đầu năm 1932, chính phủ Pháp trao tặng ngài huy chương danh dự ‘‘Chevalier de la Légion d’honneur’’, vì những công lao của ngài phục vụ Việt Nam mà hồi đó còn là thuộc địa của Pháp.⁴

Ngài qua đời tại Paris, sáng ngày 23.01.1932, thọ 68 tuổi, sau một vài hôm bệnh liệt giường. Cái chết của ngài tưởng có gì đáng kể, dù rằng từ mấy năm rồi, sức khỏe ngài bị thuyên giảm nhiều, phần do công việc và phần do căn bệnh phổi của ngài. Hội Thờa Sai

Paris c^o hành thánh lí an táng ngày 25.01 trong nguy^{ên} C^ũng của H^ài và C^ũa ngài t^hi an nghĩ tại nghĩa trang Montparnasse (Paris).

Lịch s^o dòng M^ã Thánh Giá ch^ịc sẽ ghi nh^ữ Ôn ngài là ng^ũ C^ũi C^ũa yêu m^ã dòng và C^ũa vi^{ết} nh^ữ bài báo gi^ữi thi^{ệu} dòng cho các C^ũc gi^ã Tây ph^ũng C^ũc bi^{ết} C^ũm.

&

H^oi m^ã sang, cha Durand ^a tại Nha Trang. Ngài vi^{ết} v^ẽ các n[»] tu M^ã Thánh Giá nhà dòng Bình Cang lúc C^ó r^ẻng :

“Các n[»] tu tốt lành này, quả th^{ật}, là ph^{ần} tuy[»]n ch^ữn trong C^oan chi^{ên} nh^ỏ bé của tôi. Số các ch^ữ chỉ m^ã C^ũc 18 ng^ũ C^ũi thôi. Cũng nh^ữ t^{ất} cả n[»] tu các t^{ỉnh} khác, các ch^ữ h^{ết} mình sống C^ũi chiêm ni^{ệm} và ho^àt C^ũng, Mát-ta và Ma-ri-a.

V^ẽ ph^{ần} Ma-ri-a, tôi sẽ không nói chi h^{ết}, b^ài tôi ch^ũa bao gi^ờ b^ịt g^ìp C^ũc ch^ữ n[»] tu nào xu^{ất} th^{ần} khi chiêm ni^{ệm} cả. Nh^ững cu^ộc sống ho^àt C^ũng của các ch^ữ thì là cảnh m^ãt C^{àn} ong chuy[»]n C^ũng, m^ãt b^{ày} ki^{ếm} làm vi^{ết}. Ch^ữ này thì quay t^ỏ, kéo ch^ữ, d^ở v^{óc} d^ở v^{ài} ; ch^ữ khác thì kh^ôu vá, may ch^ịp và th^{êu} th^{ua} nh^ữ nh[»]ng n^{àng} tiên x^ử r^õng ph^ũng ; ch^ữ thì lo v^ũn rau, gà v^{ít} và C^òng áng ; ch^ữ thì lo buôn bán chút C^ũng mà li^{ều} cho c^ũng C^oan có c^ổm ăn h^ệng ngày.

Ngoài ra, các ch^ữ còn nuôi d^ũng m^ãt v^{ài} tr^ẻ m^ò c^{ôi} b^ỉ b^ỏ r^{ời} cùng m^ãy bà già nghèo nàn C^{ón} v^ẽ t^h C^ũng x^ó ch[®]. B^{ác} ái Kitô giáo C^ũa C^{em} lái ni^{ệm} an ùi và hy v^ịng cho các bà già Ấy. R^{ời} khi có bà già nào c^{ảm} th^{ấy} cái ch[®] C^ũm bên, ng^ũ C^ũi ta li^{ến} h^{ối} há ch^{ạy} C^ũi g^ì v^ĩ th^oa sai tr^ẻ tu[°] i. Và ngày hôm C^ó còn là m^ãt ngày lí C^ói v^ì t^{ôi} : t^{ôi} m^ãc cái áo ch^{ùng} th^{âm} dài nh^{ất} vào, mang chi[®] áo các phép tr^ịng nh^{ất}, C^{eo} gi^{ây} thánh C^ũp nh^{ất} và t^{ôi} ra C^ũi c^{ảm} C^ũng

C^{em} lái cho H^ài Thánh m^ãt ng^ũ C^ũi con m^ã và r^{ời}, cho N^ữsc Tr^ũi th^{êm} m^ãt t^{ân} tuy[»]n sinh.

Tr^a lái c^{ản} nhà nghèo nàn, linh h^{ồn} t^{ôi} h^şn h^a và sáng chói nh^ữ ngày sau C^ó. T^{ôi} nghe th^{ấy} t^h C^ũy con tim m^ãt t^ìng nói d^{ĩu} dàng nh^ẽ nh^ẽ nh^ũ m^ãt l[®]i ca : “Ch^{úa} sai t^{ôi} rao gi^ãng Tin M^øng cho ng^ũ C^ũi nghèo kh[®]”. Và m^ãt t^ìng khác th^{âm} tr^{ầm} h^{ồn} tr^ã l[®]i : “N^hũ cũ cu^ộc C^ũi t^{ông} C^ò của t^{ôi} không ph^{ải} làm chi khác h^{ồn} là th^{ình} tho^ãng lái r[°]a t^ũi cho v^{ài} ba bà già nghèo nàn rách r^ũi và cho nh[»]ng C^ũa tr^ẻ con, t^{ôi} sẽ không bao gi^ờ t^ìng nh[»]ng hy sinh mà t^{ôi} C^ũa ph^{ải} làm, cho dù C^{ôi} khi cũ^{ng} c^ũc nh[†]c khó ch^ũ theo b^{ản} tính t^ũ nh^{iên}.”

Ch^ũng tr^{ình} Thánh H^{ài} Nhi (la Sainte-Enfance) cũ^{ng} là m^ãt ph^{ần} l^şn trong C^ũi sống nhà dòng. Hai n[»] tu s^{ốt} s^ịng nh^{ất} và có h[†]c hành nh^{ất}, C^ũi chung v^ì nhau t^h làng này qua xóm n[†], C^{ôi} khi r^{ất} là xa ; khi mà thu^{ốc} thang của các ch^ữ không th[»] c^ũu C^ũc các th^{iên} th^{ần} bé b^õng còn trong n^{ôi}, thì v^ì m^ãt chút n^ữsc thánh C[°] trên C^ũ các em, mà th^ũng là C[°] l^{én} l^{út}, sẽ C^{em} lái cho các ch^ữ ni^{ệm} vui C^ũ sinh vào N^ữsc Tr^ũi h^ệng hà các tr^ẻ nh^ỏ vô t^ũi luôn C^ũ ch^ũ ch^ịc bên ng^{ai} Con Chi^{ên}.

Vào th^{ời} nh[»]ng cu^ộc tàn sát sau cùng (t^ừc th^{ời} V^{ạn} Thân 1885-1886), nhà dòng Bình Cang b^ị phá ho^{ại} cho t^hi cùng và b^ỉ thi^{êu} h^{ủy} tr[†]n v^ẽn. Nh^ững các n[»] tu cũ^{ng} nh^ũ ph^{ần} l^şn b[°]n C^{ào} Nha Trang C^ũ k^ĩp th^{ời} ch^{áy} tr^{ón} lên núi ; r^{ời} v^{ài} hôm sau, con tàu “La Gerda” C^ũ ch[®] h[†] v^ẽ vùng duyên hải mi^{ến} Nam.

Các n[»] tu Vi^{ệt} Nam C^{áng} th^ũng Ấy, không ph^{ải} ch[†] nào cũ^{ng} tránh kh^{ỏi} cái ch[®] trong cu^ộc bi^{ếm} loạn toàn di^{ện} C^ó. Trong các nhà dòng n^ệm r^{ác} trên sáu t^{ỉnh} giáo ph^{ấn}, chỉ duy hai nhà dòng tại Qu^{ảng} Nam, nh[®] s^ũ t^{ấn} tâm của các cha Phú Th^ũng và Trà Ki^{ều} cũ^{ng} nh^ũ nh[®] n^ệm g^{ần} r^{ìa} N[»]ng, nên tho^{át} kh^{ỏi} cảnh tàn r^{ụi} mà th^{ôi}. Tr^ở ra c^ũng C^oan G^ò Th^ĩ và Làng Sông, m^ũ C^ũi hai c^ũng C^oan

các n» tu của chúng tôi đã hoàn toàn bị tiêu diệt bởi quân bách Cháo say máu Kitô h»u.

Mũi Cây, tại Phú Yên là tỉnh phía bắc Khánh Hoà, tôi đã tham cảnh tro tàn thế lũng của nhà dòng Mừng Lăng và Hoa Vông. Nhà dòng Cầu tiên chỉ còn lại hai n» tu chuyên đi rửa tội, đã may mắn v»ng mất lúc Cháo quân sát nhân tội bao vây giáo hội. Còn nhà dòng thì hai thì ch»ng còn hòn đá nào ch»ng lên hòn đá nào, ch»ng còn chi sống Ch»ng n»a.

Chính mặt tôi còn nhìn thấy tại Hoa Vông, hai cây cau đã dùng làm cột treo c° chỉ bắc trên cùng chỉ ph» tá nhà dòng. T» ngày ấy, chúng cũng Cháo, nghiêng ngã, cong quẹo, buông mình trên mặt thành gi»ng nữ»c r»ng nổi mà các chỉ n» tu khác đã bị xô sóng xuống Cầu. Cái gi»ng nữ»c Mừng Lăng cũng vậy, là mặt hòm thánh tích bao la.”⁵

&

Chỉ k» thúc trang gửi thi»u này, chúng tôi xin ngõ lòng chân thành cảm Ỗn tất cả qu» bản h»u đã th»ng c»ng tác, chỉ dẫn và giúp Cháo chúng tôi, Cháo t»p tài li»u này Ch»c thành hình. Xin Chúa trả công b»i h»u cho qu» bản !

Công việc tìm hi»u và dịch thu» nổi Cây còn rất nhi»u gửi h»n, chúng tôi xin nh»n lấy cho riêng mình các khi»m khuy» này, vì tin vào lòng quảng Chái của qu» Cháo già.

*Đầu mùa hè 2001 tại Pháp,
Joseph DAO*

./.

Chú thích :

- ¹ Người Pháp có thói quen Ch»t cho Cầu trẻ nhi»u tên g»i (prénom) ; do Cháo, tên gia Ch»nh của tác giả là DURAND, còn các tên g»i của ngài gồm có 4 tên : Eugène, Eustache, Louis và Marie. Ngài th»ng k» tên là Eugène-Marie DURAND.
- ² Trích trong ‘‘Notes de voyages’’ là mặt cuốn v» vi» tay của cha Durand, lưu giữ trong Kho Thư V»n của Hội Thừa Sai Paris (= AMEP), t»p 821, trang 75.
- ³ ‘‘La théologie indochinoise’’ : tham khảo báo ‘‘Echos de la rue du Bac’’, số 151, ngày 01.4.1928. Vào thời kỳ này, báo ‘‘Echos de la rue du Bac’’ chỉ là mặt t» gi»y Ch»nh máy, in r»nêô, dùng thông tin n»i b» gi»a các thành phần trong Hội Thừa Sai Paris mà thôi (1921 - 1967, t» số 1 tội số 779). T» năm 1967 tr» Cháo, t» báo Ch»c cải ti»m thành mặt t» nguy» san hi»n Chái h»n.
- ⁴ Tham khảo : ‘‘Echos de la rue du Bac’’, số 236, 15.01.1932.
- ⁵ Trích trong ‘‘Notes de voyages. De Nha Trang à Ninh Hoà’’ của cha Durand, (AMEP., t»p 821, trang 3-7).

./.